

Bản án số: 965/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/8/2018.

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiên.

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 447/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2018/QĐST- HPT ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Đắc T. Sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường N, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L. Sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường N, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa nguyên đơn ông Cao Đắc T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ tháng 01/1988 tại địa chỉ đường N, Phường M, Quận G (là nhà bố mẹ ruột của ông). Quá trình chung sống, ông và bà L có 01 con chung là Cao Đắc Quỳnh A (sinh ngày 17/10/1988). Từ khi chung sống cho đến nay, ông và bà L không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó liên tục phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân chính là không hiểu nhau và không cùng quan điểm sống. Mâu thuẫn tiếp tục kéo dài tới năm 2009 thì tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hòa hợp nên bà L đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Kể từ đó tới nay, ông không có liên lạc gì với bà L.

Nhận thấy không còn tình cảm với bà L, vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu mạnh ai nấy lo nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L. Hiện nay, ông hoàn toàn không biết bà L ở đâu, chỉ biết qua bạn bè là từ khi bỏ nhà đi bà L đã chung sống với một người đàn ông khác.

- Về con chung: Ông và bà L chỉ có duy nhất một người con chung là Cao Đắc Quỳnh A (sinh ngày 17/10/1988) đã trưởng thành.

- Về chia tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa giải quyết và ông cũng xác định giữa ông và bà L không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông T xác định ông và bà L không nợ ai và cũng không có ai nợ ông với bà L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Cao Đắc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét quan hệ tranh chấp giữa ông T và bà L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh ngày 29/5/2018 của Công an Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L có hộ khẩu thường trú và cư trú tại đường N, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2009, bà L đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Kết quả trả lời xác minh này cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn Cao Đắc T. Vì vậy, có cơ sở xác định địa chỉ đường N, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của bà L.

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L hiện không rõ cư trú tại địa chỉ nào và như đã nhận định ở trên bà L có nơi cư trú cuối cùng là đường N, Phường M, Quận G. Vì

vậy sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết giấy triệu tập các văn bản tố tụng đối với bà L tại địa chỉ này, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc triệu tập bà L đến tham gia tố tụng là phù hợp.

Xét, Tòa án đã triệu tập theo đúng qui định nhưng bà L vẫn lần thứ 02 vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung và tài sản chung. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ ra xét xử là phù hợp.

Xét, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đối với bà L để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà L vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Cao Đắc T hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của ông T và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ông T và bà L đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 1988 nhưng từ đó cho đến nay không đăng ký kết hôn.

Căn điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội qui định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định...thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm...Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình qui định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*

Xét, ông T và bà L đều là những người có đủ điều kiện để kết hôn theo qui định của pháp luật, tuy nhiên đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 1988 mà lại không đăng ký kết hôn. Vì vậy, nay ông T xin ly hôn với bà L, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L là phù hợp với nhận định cũng như qui định pháp luật đã viện dẫn ở trên.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành nên không phải xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T khai không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[2.4] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên Tòa không thể ghi nhận được ý kiến, yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết các yêu cầu của bà L (nếu có).

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc ông T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai số 0020536 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3. Ông T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn ông Cao Đắc T với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

2. Về con chung: Con chung Cao Đắc Quỳnh A (*sinh ngày 17/10/1988*) đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc nguyên đơn ông Cao Đắc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0020536 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3. Ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Cao Đắc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

Trần Thanh Sơn